

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50 /2019/DS-ST
Ngày: 28/8/2019
V/v: *Đòi tài sản- QSDD.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Kim Chi

Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2017/DSST về việc tranh chấp: “Đòi tài sản-QSDD”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Triệu B, sinh năm 1949 và bà Đặng Thị G, sinh năm 1953; cùng cư trú: Tổ 04, ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Đào Khương L, sinh năm 1971 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1977; cùng cư trú: Tổ 4, ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Triệu Quốc B, sinh năm 1983; cư trú: Tổ 04, ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

+ Bà Triệu Thị Mỹ D, sinh năm 1984; định cư: 159, JLN DATOLAU PAK KHUAN JMN IPOH 31400 IPOH PERAK, Malaysia.

+ Bà Triệu Thị Mỹ Du, sinh năm 1989; định cư: BLK 315 JuRongFast 32 = 13263 SinggaPore.

Người đại diện ủy quyền của bà D và bà Du: Ông Triệu B, sinh năm 1949 theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019.

+Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1980; cư trú: xã Vĩnh A, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

+Ông Triệu Quốc Y, sinh năm 2002 và bà Triệu Thị Kim Ý, sinh năm 2003; cùng cư trú: Tổ 04, ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật cho Y, Ý: là ông Triệu Quốc B là cha ruột

+Ông Hồ Văn Ph, sinh năm 1946 và bà Cù Thị D, sinh năm 1952; cùng cư trú: tổ 4, ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

+Ông Đào Kh, sinh năm 1959; cư trú: ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

+Bà Đào Thị L sinh năm 1960; cư trú: ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

+Ông Đào Văn H, sinh năm 1962; cư trú: ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

+Bà Đào Thị Hồng H, sinh năm 1964, Cư trú: thị trấn Cái D, huyện Châu Ph tỉnh An Giang.

+Ông Đào Văn Ph, sinh năm 1966; cư trú: ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

+ Ông Đào Văn D, sinh năm 1968; cư trú: ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

+ Bà Đào Nhật Tường V, sinh năm 2000 và Đào Bùi Công Da, sinh năm 2001; cùng cư trú: Tổ 4, ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật cho Tường V, Công Da: là ông Đào Khương L là cha ruột.

+Ngân hàng TMCP Công Th Việt Nam. Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đ, Hoàn K, Hà N, Việt Nam.

Người đại diện ủy quyền: Ông Bùi Thành K - Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Th Việt Nam chi nhánh An Giang. Địa chỉ: số 270 Lý Thái T, phường Mỹ L, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

(Tất cả xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Triệu B và bà Đặng Thị G cùng trình bày yêu cầu khởi kiện:

Nguồn gốc đất là của cha Triệu Kim H (chết năm 2007) và mẹ Mai Thị S (chết năm 2003) tặng cho vợ chồng khi còn sống vào năm 1975 đến năm 1999 ông Triệu B được cấp giấy chứng nhận số 00324/ QSDĐ ngày 28/01/1992 diện tích 12.632 m² loại đất nông nghiệp. Đến ngày 22/7/1999 ông Triệu B chuyển nhượng cho ông Hồ Văn Ph diện tích 4.424 m², ông Triệu B được UBND huyện Châu Th tỉnh An Giang cấp lại giấy chứng nhận số 00324 QSDĐ/dG ngày 09/9/1999 diện tích 8.208m² loại đất nông nghiệp.

Năm 2007, ông bà có cho vợ chồng ông Ph và bà D thuê đất hai bên có lập hợp đồng thuê đất nông nghiệp được UBND xã Cần Đ chứng thực. Đến năm 2017 giữa hai bên đã chấm dứt hợp đồng thuê đất cho đến nay không có tranh chấp.

Năm 2017, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà thế chấp Ngân hàng TMC Công Th Việt Nam vay vốn 100.000.000 đồng đến năm 2020 hợp đồng mới kết thúc, ông bà với Ngân hàng tự giải quyết về hợp đồng vay vốn.

Khi còn sống bà Trần Thị V là mẹ của ông L có cất 01 căn nhà trên diện tích đất của bà. Đến năm 2007 khi căn nhà bị hư vợ chồng ông L có sửa lại căn nhà, phần diện tích nhà bếp có che chắn thêm nên đã lấn chiếm sang phần đất của gia đình ông bà. Năm 2015, ông bà phát hiện vợ chồng ông Đào Khương L và bà Bùi Thị H đã cố ý lấn chiếm diện tích đất nông nghiệp đã nhiều lần thương lượng H giải nhưng không thành nên ông bà khởi kiện năm 2016 đến nay.

Do hai bên đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông bà yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc, định vị mốc ranh theo giấy chứng nhận QSDĐ đã được cấp. Nay ông bà yêu cầu vợ chồng ông L phải có trách nhiệm hoàn trả đất nông nghiệp đã lấn chiếm cho ông bà sử dụng đúng theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00324QSDĐ/dG do UBND huyện Châu Th cấp ngày 09/9/1999, diện tích đất là 8.208m². Ông bà xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

2. Bị đơn ông Đào Khương L và bà Bùi Thị H trình bày ý kiến:

Bà Trần Thị V là mẹ ruột của ông L, bà được cấp giấy chứng nhận số 028664 QSDĐ/ dG ngày 18/01/2001, loại đất nông nghiệp có diện tích 4.203m² tờ bản đồ số 02, thửa số 3411,3412,4823, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp cho cá nhân bà V. Ngày 05/11/2004 bà V chuyển nhượng đất cho ông Hồ Văn S thửa số 4873, diện tích 1.944 m² nên diện tích đất bà V còn lại là 2.259 m².

Năm 1991 bà Trần Thị V có cất nhà ở trên đất đến năm 2013 thì bà chết. Vợ chồng bà V có 07 người con chung, không có con nuôi và con riêng, gồm có: Đào Kh, Đào Thị L, Đào Văn H, Đào Thị Hồng Hạ, Đào Văn Ph, Đào Văn D, Đào Khương L, chồng bà ông Đào Kha chết năm 2006.

Sau khi bà V chết, căn nhà và đất mẹ cho lại vợ chồng ông L và bà H cùng 02 con Đào Nhật Tường V và Đào Bùi Công Da ở và quản lý đến nay.

Hiện tại ông bà hoàn toàn không biết việc có lần chiếm đất của ông B nhưng đồng ý sau khi Tòa án khôi phục mốc ranh, đo đạc lại diện tích đất, nếu đất ông B bị thiếu ông bà đồng ý trả lại đất và tháo dỡ vật kiến trúc trên đất trả đúng diện tích 8.208m² theo giấy chứng nhận số 00324 QSDĐ/dG do UBND huyện Châu Th cấp ngày 09/9/1999 mang tên ông Triệu B để giữ hòa khí hai bên gia đình.

Ông bà không có yêu cầu phản tố và xin vắng mặt không tham gia tố tụng

3 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến:

3.1 Ông Triệu Quốc B, bà Nguyễn Thị Kim B, Triệu Quốc Y, Triệu Thị Kim Ý cùng thống nhất theo lời trình bày của ông Triệu B và bà Đặng thị G. Các ông bà là con và dâu là cháu của ông Triệu B, không có yêu cầu độc lập, xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

3.2 Bà Triệu Thị Mỹ D, bà Triệu Thị Mỹ Du ủy quyền cho ông B là cha ruột thống nhất theo lời trình bày của ông B và không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

3.3 Ông Đào Kh, bà Đào Thị L, ông Đào Văn H, Bà Đào Thị Hồng Hạ, ông Đào Văn Ph, ông Đào Văn D cùng thống nhất theo trình bày của ông L và bà H, các ông bà là con bà V và là anh chị ruột của ông L. Ông bà xác định sau khi bà V chết nhà và đất giao lại cho lại vợ chồng L và H thừa hưởng vì là con trai út để ở và thờ cúng cha mẹ ông bà. Các ông bà không có yêu cầu độc lập và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

3.4 Đào Nhật Tường V, Đào Bùi Công Da là con ruột của ông L và bà H và người đại diện theo pháp luật là ông Đào Khương L các cháu không có ý kiến và xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

3.5 Ngân hàng TMCP Công Th Việt Nam do người đại diện ủy quyền là ông Bùi Thành K - Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Th Việt Nam chi nhánh An Giang trình bày:

Ngân hàng và ông Triệu B bà Đặng Thị G có xác lập hợp đồng vay vốn 100.000.000 đồng vào ngày 23/4/2019 thời hạn thanh toán vào ngày 23/4/2020, hiện tại ông bà còn nợ vốn vay 50.000.000 đồng và tài sản thế chấp là giấy chứng nhận QSDĐ của ông Triệu B được UBND huyện Châu Th cấp số 00324QSDĐ/dG ngày 09/9/1999. Do chưa hết thời hạn vay nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập tự giải quyết và xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

3.6 Ông Hồ Văn Ph và bà Cù Thị D cùng trình bày:

Ông bà xác định hiện nay không có tranh chấp với ông B và ông L nên không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Do vắng mặt các đương sự nên không ghi nhận được ý kiến.

5. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu B, bà Đặng Thị G vì có căn cứ, buộc phía bị đơn ông Đào Khương L, bà Bùi Thị H phải trả lại phần đất lấn chiếm đất nông nghiệp và tháo dỡ một phần góc nhà cất trên đất lấn chiếm để trả lại cho phía ông Triệu B, bà Đặng Thị G sử dụng diện tích 8.028m² loại đất nông nghiệp theo các điểm của bản đồ hiện trạng ngày 24/4/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Th xác lập. Chi phí tố tụng khác và án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Triệu Thị Mỹ D, bà Triệu Thị Mỹ Du là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đang định cư tại Singapore và Malaysia nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án Nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo quy định Điều 28, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Triệu Thị Mỹ D, bà Triệu Thị Mỹ Du ủy quyền cho ông Triệu B văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019. Ngân hàng TMCP Công Th Việt Nam có ủy quyền cho ông Bùi Thành K văn bản ủy quyền số 840/UQ -HDQT- NHCPTM ngày 16/11/2018. Các đương sự ủy quyền phù hợp theo Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến phù hợp theo quy định Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguồn gốc đất là khi còn sống cha Triệu Kim H và mẹ Mai Thị S tặng cho vợ chồng ông Triệu B bà Đặng Thị G vào năm 1975 cho đến năm 1999 ông Triệu B được cấp giấy chứng nhận số 00324/ QSDĐ ngày 28/01/1992 diện tích 12.632 m² loại đất nông nghiệp. Đến ngày 22/7/1999 ông Triệu B chuyển nhượng cho ông Hồ Văn Ph diện tích 4.424 m², ông Triệu B được UBND huyện Châu Th tỉnh An Giang cấp lại giấy chứng nhận số 00324 QSDĐ/dG ngày 09/9/1999 diện tích 8.208m² loại đất nông nghiệp, thửa số 3407, 3408, 3409, 3419, 3420, tờ bản đồ 02, ông Triệu B sử dụng cho đến nay.

Nguồn gốc đất của bà Trần Thị V là mẹ ruột của ông L, bà được cấp giấy chứng nhận số 028664 QSDĐ/ dG ngày 18/01/2001, loại đất nông nghiệp có diện tích 4.203m² tờ bản đồ số 02, thửa số 3411,3412,4823, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp cho cá nhân bà V. Ngày 05/11/2004 bà V chuyển nhượng đất cho ông Hồ Văn S thửa số 4873, diện tích 1.944 m² nên diện tích đất bà V còn lại là 2.259 m², ông L và bà H quản lý sử dụng đến nay.

Năm 1991 bà Trần Thị V có cất nhà ở trên đất đến năm 2013 thì bà chết, căn nhà và đất bà V tặng cho lại vợ chồng ông L. Năm 2007 ông Đào Khương L, bà Bùi Thị H có xây dựng sửa lại căn nhà. Ông Triệu B phát hiện việc ông L có lấn chiếm qua đất của ông diện tích khoảng 260m² và trên đất ông L bà H tự ý xây dựng thêm một phần vật kiến trúc của nhà bếp nên phát sinh tranh chấp, nhiều lần yêu cầu phía ông L, bà H phải trả lại cho ông bà diện tích đất bị lấn chiếm và tháo dỡ vật kiến trúc trên đất để ông bà được sử dụng đúng diện tích 8.208m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông B đã được cấp giấy chứng nhận hợp pháp. Năm 2016 ông B khởi kiện đòi lại đất cho đến nay.

Xét thấy, phần đất nông nghiệp đang tranh chấp tọa lạc ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang sau khi tiến hành đo đạc, thẩm định, định giá đất tranh chấp theo sự hướng dẫn của các đương sự ngoài thực địa thể hiện kết quả như sau:

Căn cứ theo bản đồ hiện trạng đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Th, tỉnh An Giang xác lập ngày 24/4/2018, thể hiện tại các điểm 25,24,11,12,13,16,32,31,28,A là phần diện đất của ông Triệu B chỉ dẫn đủ diện tích 8.208m² mà ông B đã được UBND huyện Châu Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0324/dG ngày 09/9/1999. Tại các điểm 16,32,31,28,A theo bản đồ hiện trạng đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Th, tỉnh An Giang xác lập ngày 24/4/2018 có diện tích 241,80 m² đất nông nghiệp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Triệu B và tại các điểm 30,L,6 có diện tích 9,1m² là các vật kiến trúc nhà bếp của ông L sử dụng đang nằm trong diện tích đất của ông Triệu B là có thật.

Căn cứ theo bản đồ hiện trạng đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Th, tỉnh An Giang xác lập ngày 24/4/2018 theo hướng dẫn của ông L ngoài thực địa thể hiện đất tại các điểm 7,8,9,17,16,27,18 có diện tích đo đạc là 3.289,0m² đất. Sau khi định vị khôi phục lại mốc ranh thể hiện đất của bà Trần Thị V tại các điểm 32,17,9,8,A có diện tích là 3.047,0 m² so với diện tích đất 2.259,0m² bà V được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì đất có biến động tăng là 788m². Do hiện nay vợ chồng ông L bà H đang quản lý sử dụng đất của bà V và không có yêu cầu phản tố và các con của bà V không có yêu cầu độc lập nên không xem xét giải quyết, sau này các ông bà có tranh chấp được giải quyết thành vụ án khác nên tiếp tục tạm giao ông L và bà H quản lý sử dụng diện tích là 3.047,0 m² đất nông nghiệp.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản, tự nguyện chịu chi phí này và đã thực hiện xong nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải đóng án phí sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo biên lai tạm ứng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 26, Khoản 4 Điều 32, Khoản 4 Điều 34, và các Điều 37, 38, 147, 220, 228, 238, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều: 138,166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu B và bà Đặng Thị G:

- Ông Triệu B được tiếp tục sử dụng diện tích 8.208m² tại các điểm 25,24,11,12,13,16,32,31,28,A theo bản đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Th, tỉnh An Giang xác lập ngày 24/4/2018, loại đất nông nghiệp, thửa số 3407, 3408, 3409, 3419, 3420, tờ bản đồ số 02 do UBND huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp đổi giấy chứng nhận số 00324 QSDĐ/dG ngày 09/9/1999 mang tên Triệu B, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Diện tích 241,80 m² đất nông nghiệp tại các điểm 16,32,31,28,A và tại các điểm 30,L,6 có diện tích 9,1m² theo bản đồ hiện trạng đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Th, tỉnh An Giang xác lập ngày 24/4/2018 đều nằm trong diện tích đất của ông Triệu B được cấp chứng nhận số 00324 QSDĐ/dG ngày 09/9/1999 có diện tích 8.208m².

- Buộc ông Đào Khương L, bà Bùi Thị H phải có trách nhiệm tháo dỡ di dời vật kiến trúc là máy che nhà bếp ra khỏi diện tích đất 9,1m² tại các điểm 30,L,6 theo bản đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Th, tỉnh An Giang xác lập ngày 24/4/2018 trả lại đất cho ông Triệu B sử dụng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Tạm giao ông Đào Khương L và bà Bùi Thị H tiếp tục quản lý sử dụng diện tích là 3.047,0 m² tại các điểm 32,17,9,8,A theo bản đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Th, tỉnh An Giang xác lập ngày 24/4/2018, đất nông nghiệp, tọa lạc tại ấp Cần Th, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Theo giấy chứng nhận số 028664 QSDĐ/ dG ngày 18/01/2001, loại đất

nông nghiệp có diện tích còn lại 2.259m² tờ bản đồ số 02, thửa số 3411,3412, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị V.

2. Về chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí đo đạc, thẩm định và định giá và đã đóng tạm ứng xong nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đào Khương L và bà Phạm Thị H phải đóng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Triệu B số tiền là 390.000 đồng (Ba trăm chín mươi ngàn đồng) biên lai thu số 0000268 ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

4. Về thời gian kháng cáo :

- Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Riêng các ông bà vắng mặt không tham dự phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- VKSND.AG;
- Cục THA tỉnh AG
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự “để thi hành”;
- Lưu hồ sơ ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Huyền Trân

